

NHỮNG KẾT QUẢ BAN ĐẦU CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG Ở TỈNH BẮC KẠN

TS. Ngô Xuân Hoàng

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thái Nguyên

Bài viết nghiên cứu trường hợp điển hình của huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, nơi có tỷ lệ hộ nghèo trên 56,02%. Qua đánh giá kết quả bước đầu của chương trình giảm nghèo bền vững, (chương trình 30 a), tác giả phân tích những thành tựu, hạn chế và chỉ ra nguyên nhân. Kết quả phân tích sẽ là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng giảm nghèo bền vững tại tỉnh Bắc Kạn nói riêng và trên cả nước nói chung.

1. Đặt vấn đề

Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư. Để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc xóa đói giảm nghèo, tại phiên họp ngày 18 tháng 11 năm 2008, Chính phủ đã thảo luận và quyết nghị về việc triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện thuộc 20 tỉnh có số hộ nghèo trên 50%. Với mục tiêu: *“Tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất, tinh thần của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo, bảo đảm đến năm 2020 ngang bằng các huyện khác trong khu vực. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, theo hướng sản xuất hàng hoá, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội phù hợp với đặc điểm của từng huyện; chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng”*.

Huyện Pác Nặm thuộc tỉnh Bắc Kạn là một huyện nghèo có số hộ nghèo trên 56,02% nằm trong “Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo” của Chính phủ với mục tiêu giảm hộ nghèo xuống ngang bằng mức trung bình của khu vực. Chương trình đã được triển khai ở huyện Pác Nặm trong 2 năm 2009-2010, trong bài viết này chúng tôi tập trung đánh giá thực

trạng triển khai và một số kết quả bước đầu đạt được của chương trình giảm nghèo bền vững ở huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân hạn chế theo hướng giảm nghèo bền vững. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để huyện Pác Nặm thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Pác Nặm trong những năm tiếp theo.

2. Kết quả triển khai chương trình giảm nghèo nhanh và giảm nghèo bền vững (chương trình 30a) tại huyện Pác Nặm

Pác Nặm là một trong 62 huyện nghèo nhất cả nước theo số liệu thống kê năm 2006, với 3.112 hộ nghèo trên tổng số 5.148 hộ dân, tỷ lệ hộ nghèo tương đương là 60,45%. Tính đến cuối năm 2008, toàn huyện còn 3.026 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo tương đương còn 56,15%. Thực hiện Nghị quyết số 30a/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo, Hướng dẫn số: 802/BKH-KTĐP&LT ngày 11/02/2009 của Bộ Kế hoạch và đầu tư về phát triển kinh tế-xã hội, nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững cấp huyện giai đoạn 2009-2020 và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, qua hơn 1 năm thực hiện chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, kết quả thực hiện từng chương trình của dự án trên địa bàn huyện được khái quát như sau:

2.1. Chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng

* Cơ sở hạ tầng và hỗ trợ nhà ở cho người nghèo: Năm 2009, huyện Pác Nặm được giao 28.000 triệu đồng, gồm 25.000 triệu đồng vốn đầu tư và 3.000 triệu đồng vốn sự nghiệp. Năm 2010 huyện được

Bảng 1: Tình hình giải ngân vốn đầu tư phát triển năm 2009- 2010

Công trình	Số lượng		Kinh phí (tr.đồng)					
	2009	2010	Năm 2009			Năm 2010		
			KH	TH	TH/KH	KH	TH	TH/KH
1. Điện	3	4	5.811,2	1.072	94,6	5.499	892	83,2
2. Giao thông	8	16	8.758,4	10.765	81,8	7.161,7	5.435	50,48
3. Thủy lợi	13	15	9.430,4	7.463	53,4	5.035,8	3.752,3	50,27
4. SC, XD nhỏ	10	1	1	200	80,35	803,5	200	100
5. Nước SH		5		500			500	100
Tổng	34		25	20	74	18.5	10.779,3	53,9

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Pác Nặm

giao 25.000 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 20 tỷ đồng, vốn sự nghiệp là 5 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư phát triển được sử dụng vào 2 nội dung chính là đầu tư cơ sở hạ tầng và đầu tư khai hoang, phục hóa đất sản xuất. Tình hình sử dụng vốn đầu tư cơ sở hạ tầng của huyện qua 2 năm 2009-2010 được thể hiện ở bảng 1.

Cơ sở hạ tầng là xương sống của nền kinh tế. Nhận biết được tầm quan trọng đó do chương trình đã chọn cơ sở hạ tầng làm lĩnh vực đầu tư chiến lược. Chương trình tập trung đầu tư xây dựng các công trình giao thông và thủy lợi vì hiện nay ở huyện chỉ có 6/10 xã có đường giao thông. Các xã còn lại chủ yếu là đường đất do dân tự làm nên việc đi lại rất khó khăn, nhất là khi trời mưa lũ. Hệ thống thủy lợi của huyện đa phần là các công trình nhỏ, quy mô tưới ít. Sau 2 năm thực hiện, đã có 28 công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng, đảm bảo hệ thống tưới tiêu và mang lại lợi ích lớn trong sản xuất kinh doanh toàn huyện. Kết quả giải ngân năm 2010 chỉ đạt 74% kế hoạch do quá trình triển khai kéo dài, tiến độ thi công phải gián đoạn nhiều lần do gặp khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác đền bù, giải phóng mặt bằng... ảnh hưởng lớn đến việc giải ngân. Đến nay cơ bản các công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết

định 167/2008/QĐ-TTg, huyện đã hoàn thành hỗ trợ và đưa vào sử dụng 410/410 nhà, với tổng kinh phí thực hiện 3.444 triệu đồng, trong đó vay thông qua Ngân hàng CSXH là 2.864 triệu; Tập đoàn Bảo Việt hỗ trợ 2.050 triệu đồng.

* Về vốn đầu tư khai hoang, phục hóa đất sản xuất: Kết quả được tổng hợp qua bảng 02, qua bảng số liệu cho thấy: Năm 2009 dựa trên kết quả nghiệm thu xã Bộc Bó, An Thắng, Cao Tân, huyện tiến hành thẩm định danh sách diện tích các hộ thực hiện và trình UBND huyện phê duyệt, trong đó diện tích khai hoang: 10,202 ha; diện tích phục hóa đất sản xuất 2.557 ha với kinh phí thực hiện 114.805.000đ. Đến năm 2010 cơ quan chuyên môn đã tiến hành nghiệm thu tại xã Bộc Bó, Nghiễn Loan, Nhạn Môn, Bằng Thành, Cổ Linh với diện tích: 44,65 ha gồm có 485 hộ thực hiện tổng kinh phí thực hiện 391.051.500 đ trong đó: Diện tích khai hoang 33,56 ha, có 359 hộ tham gia, kinh phí thực hiện: 335.603.000 đ, diện tích phục hóa: 11,09 ha, có 126 hộ tham gia kinh phí thực hiện: 55.448.500 đ. Sau 2 năm thực hiện đã có 12,759 ha diện tích đất khai hoang, 44,65 ha diện tích đất phục hóa góp phần không nhỏ trong việc mở rộng đất sản xuất và tăng trưởng kinh tế của huyện.

2.2. Chương trình hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm,

Bảng 2: Kết quả thực hiện khai hoang, phục hóa đất sản xuất năm 2009-2010

Chỉ tiêu	Số lượng (ha)		Kinh phí (tr.đồng)	
	2009	2010	2009	2010
Diện tích khai hoang	10,202	33,56	91.703	335.603
Diện tích phục hóa	2,557	11,09	23.102	55.448,5
Tổng	12,759	44,65	114.805	391.051,5

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra

tăng thu nhập

* *Về trồng trọt:* Trong lĩnh vực trồng trọt, chương trình đã mở các lớp tập huấn về cách nhận biết và phòng trừ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá, lùn sọc đen và chuột hại trên cây trồng tại 10 xã được 25/25 lớp, có 776 hộ nông dân tham gia tập huấn và xây dựng các mô hình khuyến nông. Các mô hình khuyến nông đã được thực hiện trên địa bàn huyện trong năm 2009-2010. Các mô hình khuyến nông chủ yếu là mô hình trồng các loại cây vụ đông nhằm mở rộng mùa vụ do người dân ít canh tác vào mùa đông nên chưa tận dụng được đất sản xuất. Có gần 150 hộ tham gia mô hình trồng các loại hoa màu vụ đông, 44 hộ tham gia mô hình trồng lúa lai, ngô lai với kết quả tốt, làm tăng sản lượng ngành trồng trọt của huyện.

* *Về lâm nghiệp:* Trong năm 2009 huyện thiết kế diện tích giao khoán bảo vệ rừng được 3.394,31 ha có 383 hộ nghèo tham gia đồng thời đã tiến hành nghiệm thu, diện tích nghiệm thu đạt 3.390,31 ha, cơ quan chuyên môn đã giải ngân với kinh phí 390.342.600 đ. Vừa qua, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 189/QĐ-SNN phê duyệt mức hỗ trợ đầu tư các chỉ tiêu lâm sinh dự án trồng mới 5 triệu ha rừng huyện Pác Nặm, năm 2010 với tổng kinh phí là 4.091.698.386 đồng, trong đó: Hỗ trợ trồng rừng và chăm sóc rừng năm thứ nhất là 3.029.080.428 đồng, hỗ trợ chăm sóc rừng trồng phòng hộ (năm 2,3,4) là 252.180.958 đồng, hỗ trợ khoán bảo vệ rừng là 430.920.000 đồng, hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên là 260.712.000 đồng, kinh phí chuyển giao khoa học công nghệ và khuyến lâm là 118.805.000 đồng. Đồng thời, giao khoán cho các hộ dân chăm sóc và bảo vệ gần 3.400 héc ta rừng với tổng kinh phí 390.342.600 triệu đồng. Mức hỗ trợ đầu tư được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở để Ban quản lý Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng huyện Pác Nặm thực hiện thanh quyết toán giá trị và khối lượng nghiệm thu các hạng mục lâm sinh Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong hoạt động hỗ trợ gạo cho hộ nghèo trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng huyện đã hỗ trợ cho hộ nghèo trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng với 52.650kg gạo (tương đương với số tiền 1.088 triệu đồng), triển khai hỗ trợ gạo cho 267 hộ nghèo với 1.519 khẩu để trồng rừng, chăm sóc bảo vệ rừng. Với sự hỗ trợ này, người dân yên tâm trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng, diện tích rừng được chăm sóc và bảo vệ tăng hơn 6 nghìn ha qua 3 năm, góp phần phòng

chống lũ lụt và phát triển lâm nghiệp của huyện.

* *Về chăn nuôi:* Đối với nội dung hỗ trợ làm chuồng trại, cải tạo ao nuôi trồng thủy sản, mua giống trâu, bò năm 2009 các xã Cổ Linh, Công Bằng, Nghiên Loan đã nghiệm thu các nội dung cải tạo ao nuôi trồng thủy sản cho hộ nghèo, hỗ trợ làm chuồng trại, hỗ trợ mua giống trâu, bò. Cụ thể: Nghiệm thu 4 hộ cải tạo ao nuôi trồng thủy sản tại xã Cổ Linh, Công Bằng. Nghiệm thu 42 chuồng trại tại xã Công Bằng, Cổ Linh, Nghiên Loan. Nghiệm thu chỉ tiêu hỗ trợ giống trâu, bò tại xã Cổ Linh: 10 con. Năm 2010 kế hoạch giao cho các xã 193 chuồng, hiện nay đã nghiệm thu được 108 chuồng tại 07 xã hiện còn 03 xã Xuân La, Cổ Linh, Cao Tân đang tiến hành nghiệm thu chỉ tiêu này. Hỗ trợ cải tạo ao nuôi trồng thủy sản cho các hộ nghèo, đã nghiệm thu được 44 hộ với kinh phí thực hiện 44 triệu đồng. Các xã đang thực hiện mua trâu, bò giống hỗ trợ cho các hộ dân cụ thể đã hỗ trợ được 102 con trâu, bò cho 102 hộ với kinh phí thực hiện 776 triệu đồng.

2.3. Công tác cán bộ, quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại

* *Công tác cán bộ:* Thực hiện Quyết định số: 3066/QĐ-UBND ngày 06/10/2009 của UBND tỉnh về tăng cường cán bộ cho các xã và khuyến khích, thu hút tri thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về tham gia Tổ công tác tại các xã thuộc huyện Pác Nặm. Kết quả xây dựng kế hoạch, thực hiện các bước thủ tục tăng cường cán bộ cho cấp xã với số lượng đợt đầu là 10 người, nguồn tăng cường từ cán bộ trong biên chế khối UBND huyện 5 người, số còn lại do thiếu nguồn biên chế tăng cường từ huyện bố trí 01 cán bộ công chức cấp xã đảm trách, kế hoạch tuyển dụng tri thức trẻ tình nguyện công tác tại các xã 40 người. Thời gian thực hiện trong tháng 12/2009. Tổng số kinh phí chi trả cho cán bộ tăng cường và tri thức trẻ tham gia tổ công tác tại các xã năm 2009 là: 464,5 triệu đồng.

* *Quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại:* Đang xây dựng kế hoạch thực hiện xây dựng trang thông tin quảng bá, giới thiệu nông lâm sản phẩm của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang báo Bắc Kạn. Năm 2010 huyện đã tuyển thêm 02 cán bộ và luân chuyển 06 cán bộ các phòng ban tăng cường cho các xã. Tổng số kinh phí chi trả cho cán bộ tăng cường và tri thức trẻ tham gia tổ công tác tại các xã tính đến năm 2010 là 1.696.770.000 đồng.

Bảng 3: Kết quả dạy nghề cho lao động nông thôn năm 2009-2010

Khoá đào tạo	2009			2010		
	Số lớp	Số học viên/lớp	Tổng số học viên	Số lớp	Số học viên/lớp	Tổng số học viên
1. Kỹ thuật sản xuất phân vi sinh	5	30	150	8	35	280
2. Chăn nuôi gia súc gia cầm	2	25	50	3	35	105
3. Sửa chữa máy nông nghiệp				2	35	70
4. Kỹ thuật trồng cây LTTP				2	35	70
Tổng	7	55	200	15	200	525

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Pác Nặm và số liệu điều tra của tác giả

2.4. Chương trình dạy nghề, nâng cao dân trí, xuất khẩu lao động

* *Dạy nghề cho lao động nông thôn:* Nhận biết được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng đội ngũ lao động nông thôn, huyện đã chủ động khảo sát nhu cầu của người học lẫn nhu cầu của thị trường, nhờ vậy các lĩnh vực được mở là lĩnh vực mà người lao động quan tâm nên thu hút được đông đảo người học. Năm 2009 căn cứ nguồn kinh phí phân bổ cho công tác dạy nghề Phòng Lao động-TBXH đã phối hợp với Trung tâm nghề công nông nghiệp Bắc Kạn triển khai thực hiện mở được 07 lớp dạy nghề cho 201 lao động nông thôn tại 2 xã Nghiên Loan và Bằng Thành khai giảng ngày 25/9/2009. Thời gian đào tạo nghề: 03 tháng/1lớp/1khóa. Kết thúc khóa học, tổ chức đánh giá kết quả học tập của học viên và cấp chứng chỉ nghề cho học viên theo quy định.

Qua kiểm tra thực tế, các lớp học đều chấp hành tốt các quy định về nội dung đào tạo, số lượng học viên, tiêu chuẩn học viên, thời gian đào tạo. Kinh phí được cấp phục vụ cho đào tạo và hỗ trợ học viên học nghề theo hợp đồng đào tạo giữa Phòng Lao động TBXH huyện Pác Nặm với Trung tâm dạy nghề công nông nghiệp Bắc Kạn để thực hiện mở lớp đào tạo dạy nghề cho 200 học viên là: 313.560.000 đồng. Số kinh phí này đã được thực hiện chi phí cho các hoạt động đào tạo và cấp phát hỗ trợ cho học viên học nghề đúng theo quy định.

Ngoài ra Phòng Lao động-TB&XH còn phối hợp với các Trung tâm dạy nghề và cấp uỷ, chính quyền cơ sở tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn thuộc chương trình được 15 lớp (525 học viên). Ngành nghề đào tạo chủ yếu là: Kỹ thuật trồng cây lương thực thực phẩm; Kỹ thuật sản xuất phân vi sinh; Kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm; Kỹ thuật sửa chữa máy nông nghiệp; Kỹ thuật xây dựng.

Thời gian đào tạo nghề: 03 tháng/lớp/ khóa. Kinh phí được cấp phục vụ cho đào tạo và hỗ trợ 525 học viên học nghề là: 945.000.000 đồng. Tỷ lệ tốt nghiệp đạt 98% do một số lao động chưa đi học được đầy đủ vì phụ thuộc vào thời gian mùa vụ. Nhờ có sự đồng bộ của cả hệ thống chính trị và nhận thức của người dân về việc học nghề và áp dụng kiến thức học được để phát triển kinh tế gia đình đã góp phần rất lớn cho sự phát triển kinh tế của huyện.

* *Xuất khẩu lao động:* Xuất khẩu lao động từ lâu được xem là một chiến lược lớn của Đảng và Nhà nước ta, bởi đây được xem là một ngành kinh tế đối ngoại mang lại nhiều lợi ích to lớn cả kinh tế và xã hội, là giải pháp tạo thêm nhiều việc làm trong khi đất nước chưa thể đảm bảo công ăn việc làm cho tất cả mọi người dân; người lao động còn được tiếp cận với máy móc và công nghệ tiên tiến, cung cách quản lý hiện đại, rèn luyện tác phong công nghiệp để biến họ thành lao động có chất lượng... Ngoài ra, từ nguồn lao động này đã góp phần không nhỏ trong việc đem về cho đất nước một nguồn ngoại tệ rất lớn. Năm 2009 Công ty cổ phần Nhân lực và thương mại VINACONEX phối hợp với huyện tổ chức đưa lao động xuất khẩu sang LIBI với số lượng 46 lao động. Năm 2010 Công ty cũng phối hợp với Ban chỉ đạo XKLD huyện tổ chức đưa lao động xuất khẩu sang LIBI và MACAO với số lượng 86 lao động trong đó có 78 nam và 08 nữ. Tuy nhiên do khủng hoảng chính trị ở LiBi do vậy số lao động này trở về nước cũng gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh việc hỗ trợ kinh phí cho những người lao động hưởng lương theo quy định của Nhà nước, huyện đã phối hợp chỉ đạo các doanh nghiệp xuất khẩu lao động hỗ trợ thêm kinh phí để ổn định đời sống cho các lao động này (bình quân 1trđ/1lao động). Số lượng lao động được xuất khẩu qua 2 năm chưa cao là do người lao động vẫn chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng

của việc xuất khẩu lao động. Thị trường chủ yếu của huyện vẫn là các nước có hợp tác lao động truyền thống lâu nay như Macao, Đài Loan, Libi... tuy nhiên người lao động chưa thực sự mặn mà cho lắm bởi thu nhập chưa cao; nhiều người lao động chỉ thích nhắm đến các thị trường có thu nhập cao như Hàn Quốc, Nhật Bản... trong khi đó các thị trường này thì thường chỉ tiêu rất ít, đồng thời lại đòi hỏi trình độ tay nghề cao, giỏi ngoại ngữ... Do vậy, trong thời gian tới huyện đã đẩy mạnh công tác này thông qua việc thường xuyên tuyên truyền, phổ biến về lợi ích của xuất khẩu lao động, tổ chức đào tạo nghề cho người dân, mở rộng tìm kiếm thị trường, ban hành chính sách cho người lao động vay tiền để làm các thủ tục cần thiết đi xuất khẩu lao động.

3. Tác động của chương trình giảm nghèo bền vững đối với hộ nông dân huyện Pác Nặm tỉnh Bắc Kạn

a. Tình hình đói nghèo: Qua bảng 4 ta thấy sau 2 năm thực hiện chương trình 30a, thực trạng đói nghèo tại huyện Pác Nặm đã có những chuyển biến tích cực, cụ thể như sau: Số hộ thoát khỏi đói nghèo năm 2009 là 424 hộ, tăng 371 hộ (tương đương với 700%) so với năm 2008. Năm 2010 số hộ thoát khỏi đói nghèo là 433 hộ, tăng 9 hộ (tương đương 3,12%) so với năm 2009. Số hộ tái nghèo do thiên tai, dịch bệnh năm 2009 là 13 hộ, giảm 416 hộ (tương đương 96,97%) so với năm 2008. Số hộ nghèo ở nhà tạm năm 2009 là 410 hộ, giảm 122 hộ (tương đương 22,93%) so với năm 2009. Đặc biệt là trong năm 2010 100% số hộ nghèo đã được xóa nhà tạm giúp nâng cao đời sống của người dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo và hộ tái nghèo của huyện, góp phần làm giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 50% theo mục tiêu

của chương trình.

b. Dịch vụ cơ sở hạ tầng thiết yếu cho người nghèo: Huyện có tỷ lệ đói nghèo cao một phần là do trình độ dân trí thấp. Do vậy hộ đã tập trung nguồn lực để phát triển dịch vụ cơ sở hạ tầng thiết yếu cho người nghèo. Sau 2 năm thực hiện chương trình kết quả đạt được như sau: Số hộ được xem truyền hình năm 2009 tăng 5 hộ (tương đương 6,25%) so với năm 2008, năm 2010 tăng 5 hộ (tương đương 5,88%) so với năm 2009. Tỷ lệ số hộ được nghe đài Tiếng nói Việt Nam năm 2009 tăng 3 hộ, năm 2010 tăng 7 hộ. Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện năm 2009 tăng 5 hộ, năm 2010 tăng 18 hộ. Tỷ lệ số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2009 tăng 6 hộ, năm 2010 tăng 7 hộ. Qua 2 năm, dịch vụ thiết yếu dành cho người nghèo được tăng cường đáng kể. Người nghèo được tiếp xúc với các phương tiện truyền thông, nâng cao nhận thức về xóa đói giảm nghèo, giảm bớt tinh thần trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, giúp giảm tỷ lệ tái nghèo và tăng khả năng giảm nghèo bền vững.

c. Lao động và việc làm: Tình hình lao động và việc làm của huyện sau 2 năm thực hiện chương trình 30a được tổng hợp ở bảng 5. Sau 2 năm thực hiện chương trình 30a, tổng số người có việc làm tăng 561 người trong đó: năm 2009 tăng 225 người, năm 2010 tăng 336 người. Số hộ nghèo được vay vốn cũng tăng từ 1.584 hộ năm 2008 lên 2.189 hộ vào năm 2010, giúp người dân có thêm vốn để phát triển sản xuất và cải thiện đời sống. Số lao động được học nghề tăng từ 794 người năm 2008 lên 2.549 người năm 2010 giúp nâng cao chất lượng nguồn lao động của huyện, góp phần tăng cường phát triển kinh tế của địa phương.

Bảng 4: Tình hình đói nghèo của huyện sau 2 năm thực hiện chương trình

Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	09/08 +/- (A)	010/09 +/- (A)
1. Dân số trung bình	Người	29.098	29.545	30.122	447	577
Trong đó: Dân tộc thiểu số	Người	28.845	29.279	29.912	434	633
2. Tổng số hộ	Hộ	5.204	5.389	5.448	185	59
- Số hộ nghèo theo chuẩn quốc gia	Hộ	2.650	3.026	2.615	376	-411
- Số hộ thoát khỏi đói nghèo	Hộ	53	424	433	371	9
- S. hộ tái nghèo do thiên tai, dịch bệnh	Hộ	429	13	14	-416	1
3. Số hộ ở nhà tạm	Hộ	532	410	0	-122	-410
Trong đó: Hộ nghèo	Hộ	532	410	0	-122	-410

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Pác Nặm

Bảng 5: Tình hình lao động và việc làm sau 2 năm thực hiện chương trình 30a

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	So sánh (%)	
						09/08	10/09
1	Số người trong độ tuổi lao động	người	14.880	15.234	15.774	102,38	103,54
	Tổng số người có việc làm	người	13.339	13.264	13.900	101,68	102,47
2	Số hộ được vay vốn tạo việc làm	hộ	2.900	3.273	3.923	112,86	119,85
	Trong đó hộ nghèo	hộ	1.584	2.128	2.189	134,34	102,86
3	Số lao động được học nghề	người	794	2.376	2.549	299,2	107,28

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Pác Nặm

d. Giáo dục và y tế: Thời gian qua, với sự tích cực trong việc triển khai các hoạt động chuyên môn tại trạm y tế xã, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về vấn đề chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nên người dân trong xã ngày càng tích cực đến trạm y tế để khám chữa bệnh. Dưới tác động của chương trình 30a, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đã tăng từ 65% năm 2008 lên 85% năm 2010. Tỷ lệ người mù chữ giảm từ 7% năm 2008 xuống còn 3% năm 2010 góp phần nâng cao trình độ dân trí của huyện. Đến năm 2010 huyện không còn tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh, đời sống và sức khỏe của người dân được cải thiện đáng kể.

4. Kết luận rút ra sau 2 năm thực hiện chương trình 30a

4.1. Kết quả đạt được

- Ngay từ khi Nghị quyết 30a của Chính phủ được ban hành và phân bổ về địa phương, huyện Pác Nặm đã khẩn trương chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể liên quan cùng vào cuộc xây dựng các đề án, hạng mục công trình trọng điểm thiết yếu để giải ngân vốn. Trong năm 2009 huyện Pác Nặm được phân bổ 25 tỷ và để đầu tư cho công tác xây dựng cơ bản và 3 tỷ cho công tác hỗ trợ sản xuất. Nhiều hạng mục đã và đang được khẩn trương xây dựng, chủ yếu là các công trình kênh mương thủy lợi, đường giao thông nông thôn... Những công trình này khi được hoàn thành và đưa vào sử dụng sẽ đáp ứng đáng kể nhu cầu phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Không những thế nhiều diện tích đất hoang hóa, khô hạn sẽ được cải tạo thành đất trồng lúa 2 vụ làm tăng diện tích đất nông nghiệp của huyện. Từ đó đảm bảo được tình hình an ninh lương thực của địa phương. Thông qua các hoạt động hỗ trợ dạy nghề, xuất khẩu lao động, khuyến nông, lâm, ngư và các chính sách hỗ trợ sản xuất, vốn... Nghị quyết giúp người dân biết cách và có cơ hội vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Trong việc xây dựng Đề án tổng thể cũng như triển khai kế hoạch năm, bên cạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng, đã chú trọng, quan tâm đúng mức đến các chính sách hỗ trợ nâng cao đời sống người dân, giáo dục nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững của các xã đã có tác động tích cực đến tập quán canh tác của người dân, động viên, khuyến khích người dân yên tâm phát triển sản xuất nhất là các chính sách liên quan đến chăm sóc, bảo vệ rừng trồng để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống; đồng thời góp phần quan trọng giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện.

- Bước đầu huyện đã triển khai được một số nhóm chính sách cơ bản trong Chương trình 30a, nhất là trong việc triển khai nguồn vốn đầu tư phát triển cho xây dựng cơ sở hạ tầng. Hoàn thành thực hiện chính sách xóa nhà tạm theo Quyết định 167/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ theo đúng yêu cầu của Chính phủ. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và đôn đốc các xã triển khai quyết liệt Nghị quyết 30a của Chính phủ. Các xã đã nhanh chóng chủ động triển khai các công việc chuẩn bị cho việc thực hiện các chính sách trong Chương trình 30a, đặc biệt huyện đã có chủ trương ngày càng tăng cường phân cấp cho xã làm chủ đầu tư một số công trình nhỏ nằm gọn trên địa bàn xã (năm 2009 mỗi xã được bố trí 100 triệu đồng để chủ động triển khai, dự kiến năm 2010 mỗi xã sẽ được bố trí 500 triệu đồng).

- Căn cứ Quyết định giao chỉ tiêu vốn và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh, huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2010 và giao chỉ tiêu cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện; Các xã đã chủ động xây dựng kế hoạch các chính sách, dự án năm 2010 và hiện nay một số chính sách, dự án đã bước đầu được triển khai thực hiện. Công tác triển khai Nghị quyết 30a đang từng bước đi vào nề nếp và ngày

càng hoàn thiện hơn; Huyện đã ưu tiên đẩy mạnh công tác cán bộ, bao gồm luân chuyển cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản về các xã cũng như tuyển dụng trí thức trẻ về các xã; coi đây là bước đột phá trong công tác giảm nghèo bền vững.

- Nghị quyết 30a của Chính phủ đưa vào Pắc Nặm đã được hơn một năm. Bước đầu người dân đã thấy được hiệu quả mà chính sách này đem lại. Người dân nghèo chính là đối tượng được hưởng lợi và cuộc sống của họ đang dần từng bước được cải thiện. Nghị quyết 30a sẽ được thực hiện theo 3 giai đoạn từ nay đến hết năm 2020. Bởi vậy trong thời gian tới, đề nghị quyết phát huy tối đa hiệu quả rất cần sự đồng thuận giữa chính quyền địa phương và người nông dân. Đây được coi như một liên kết mật thiết trong định hướng phát triển kinh tế cho địa phương.

4.2. Tồn tại và nguyên nhân

- Địa bàn rộng với nhiều vùng, nhiều khu vực có thời tiết, khí hậu đặc thù khác nhau, thiên tai thường xuyên xảy ra. Hệ thống chính sách dành cho người nghèo do nhiều chương trình, chính sách, dự án thực hiện với nhiều cơ chế khác nhau, gây nên sự trùng lặp, chồng chéo, khó khăn trong triển khai thực hiện và kiểm tra, đánh giá.

- Đa số nhân dân sinh sống ở khu vực nông thôn, sản xuất hàng hoá chưa phát triển. Những hộ nghèo chủ yếu là sống dựa vào sản xuất nông nghiệp nhưng lại thiếu hoặc không có đất canh tác cũng là một trong những nguyên nhân làm gia tăng hộ nghèo. Một số khác thì do sinh sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa trình độ dân trí còn hạn chế nên việc tiếp nhận các chương trình, dự án chưa cao, sản phẩm nông nghiệp làm ra không có tính cạnh tranh do điều kiện khách quan như giao thông đi lại khó khăn.

- Lao động ở nông thôn không có việc làm ổn định, chất lượng nguồn nhân lực hạn chế, tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, phát triển ngành nghề ở địa phương chưa tương xứng với tiềm năng. Số lượng lao động không có việc làm, thiếu việc làm, chưa chịu khó lao động, thiếu ý thức vươn lên còn khá phổ biến. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước còn tồn tại trong một bộ phận người dân nên không có động lực tự vươn lên thoát nghèo. Mặt khác các giải pháp gắn kết việc thực hiện chính sách giảm nghèo với chính sách an sinh xã hội và phát triển nông thôn mới chưa thật sự đồng bộ; việc tổ chức phối hợp thực hiện giữa các ngành, địa phương chưa chặt chẽ và hiệu quả, điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả của công

tác giảm nghèo. Việc khảo sát xác định nhu cầu học nghề của lao động nghèo chưa được quan tâm thực hiện; chưa xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nghèo hàng năm; chưa xác định số lượng lao động nghèo cần đào tạo và nghề đào tạo phục vụ cho phát triển kinh tế tại địa phương.

- Nhu cầu đầu tư cho huyện nghèo theo đề án đã được phê duyệt là rất lớn, nhưng thực tế năm qua nguồn vốn được cấp “*nhỏ giọt*”, nên không tránh khỏi tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún. Những hộ cận nghèo cũng cần được đầu tư để họ vươn lên thoát nghèo một cách bền vững. Việc trợ giúp gạo cho hộ nghèo trồng rừng sản xuất sau gần hai năm, tỉnh vẫn chưa thực hiện được, cho nên phần nào làm giảm tác dụng của chương trình đối với nhân dân.

- Việc triển khai các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho các hộ nghèo đang gặp khó khăn, do đây là loại công việc cần rất nhiều thời gian, nhân lực và cả kinh phí để hướng dẫn người nghèo làm thủ tục, kiểm tra, xét duyệt trước khi thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo nhưng ở huyện cũng như xã đều thiếu cán bộ và không có kinh phí hoạt động, do đó so với nhóm chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thì đây là nhóm chính sách khó thực hiện hơn, chậm hơn.

- Việc triển khai cơ chế chính sách mới chủ yếu tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng và xóa nhà tạm, các cơ chế chính sách khác được triển khai rất chậm, thậm chí chưa triển khai. Hầu hết các xã đều gặp khó khăn trong việc triển khai hỗ trợ gạo cho các hộ nghèo nhận khoán chăm sóc bảo vệ rừng vì để hỗ trợ được phải rà soát và lập dự án vì sử dụng vốn đầu tư phát triển (trong khi đó hỗ trợ gạo cho các đối tượng vùng giáp biên giới thì thuận lợi hơn nhiều vì chỉ cần lên danh sách cấp, phát và ký nhận vì sử dụng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế).

- Việc sử dụng kinh phí phân bổ từ nguồn hỗ trợ của trung ương chưa đúng danh mục công trình, dự án ưu tiên, nhiệm vụ của chương trình; Chế độ thông tin, báo cáo của các huyện, tỉnh và doanh nghiệp còn chậm, chưa đầy đủ nội dung theo hướng dẫn báo cáo của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội gây khó khăn cho công tác tổng hợp, tham mưu, đề xuất với Chính phủ để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời, quyết liệt hơn nữa.

- Huyện đã thực hiện kế hoạch luân chuyển cán bộ các Sở, tuyển dụng và thu hút trí thức trẻ về tăng cường cho các xã, tuy vậy do thiếu các điều kiện cơ sở vật chất và các chính sách đãi ngộ, nên nhiều tii

thức trẻ đã tự ý bỏ việc hoặc chưa toàn tâm toàn ý ở lại để làm việc. Hiện tại các xã thuộc của huyện vẫn còn lúng túng trong công tác xây dựng quy hoạch do thiếu kinh phí, nguồn lực và cách thức, biện pháp để triển khai thực hiện. Việc sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ bổ sung từ nguồn ngân sách Trung ương trong một số chưa hoàn toàn tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn hiện hành (như sử dụng vốn vay hỗ trợ sản xuất để làm nhà, sử dụng vốn đầu tư phát triển để xây dựng trụ sở xã, sử dụng vốn sự nghiệp để hỗ trợ khai hoang, phục hoá và hỗ trợ gạo cho các hộ nghèo thiếu lương thực nhận khoán chăm sóc bảo vệ rừng).

- Công tác phối hợp chỉ đạo của UBND huyện chưa thật sự quyết liệt, kết quả giảm hộ nghèo chưa chính xác. Việc đánh giá hiệu quả các mô hình giảm nghèo, các cách làm hay về giảm nghèo chưa được các xã sơ kết hàng năm; chưa phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ đạo giảm nghèo của huyện và tỉnh dẫn đến chưa nhân rộng mô hình giảm nghèo, các cách làm hay về giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. Hoạt động của Ban giám sát một số xã chưa đi vào chiều sâu; công tác quản lý, khai thác sử dụng công trình ở địa phương chưa được chú trọng, chưa gắn trách nhiệm của người dân hưởng lợi với việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ cơ sở cấp xã về chương trình chưa đầy đủ, gây nên tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Một số hộ đã thoát nghèo nhưng không tự nguyện đề xuất đưa ra khỏi danh sách hộ nghèo. Chính quyền địa phương

chưa có biện pháp tuyên truyền giáo dục tốt, chưa kiên quyết trong công tác rà soát hộ nghèo hàng năm. Cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã chủ yếu là kiêm nhiệm, học vấn thấp, chưa qua đào tạo về chuyên môn, tinh thần trách nhiệm không cao. Ban chỉ đạo chương trình giảm nghèo các cấp không có kinh phí hoạt động nên rất khó khăn cho công tác kiểm tra, đánh giá.

- Nguồn lực thực hiện chương trình chưa đúng theo tiến độ thực hiện, tập trung vào cuối giai đoạn nên hiệu quả chưa cao. Kinh phí của Nhà nước hỗ trợ xây nhà ở cho hộ nghèo hạn chế, trong khi nguồn vốn vay phụ thuộc vào kinh phí hỗ trợ nên làm cho người dân bị động. Kinh phí bố trí cho công tác dạy nghề người nghèo, hàng năm không sử dụng hết phải điều chuyển cho năm sau do hình thức dạy nghề và tạo việc làm trong doanh nghiệp ít có doanh nghiệp tham gia; hình thức dạy nghề và tạo việc làm tại chỗ không hoàn thành do thiên tai bão lũ, người lao động lo khắc phục hậu quả, không tham gia học nghề được.

- Kết quả giảm hộ nghèo hàng năm thiếu tính bền vững do chuẩn hộ nghèo chưa linh hoạt điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng khi có sự thay đổi nhằm bảo đảm các nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, học tập và chăm sóc sức khỏe của người nghèo. Tình trạng tách hộ khi con lập gia đình riêng trong điều kiện chưa đảm bảo về nhà ở, mọi thu nhập và chi tiêu của gia đình con đều sử dụng chung với hộ bố mẹ như khi chưa tách hộ đã gây ra tình hình hộ nghèo phát sinh, kết quả giảm nghèo chung không bền vững. □

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ NN & PTNT (2006), *Hội nghị phát triển bền vững lần thứ 2*.
2. Ủy ban Nhân dân huyện Pác Nặm (2009), *Đề án phát triển kinh tế- xã hội nhằm giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Pác Nặm giai đoạn 2009 – 2020*.
3. Ủy ban Nhân dân huyện Pác Nặm (2006), *Báo cáo tổng kết và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện Pác Nặm giai đoạn 2006-2010*.
4. Sở Lao động – TB&XH tỉnh Bắc Kạn (2011), *Báo cáo tiến độ thực hiện Đề án hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững năm 2011 trên địa bàn 2 huyện nghèo: Ba Bể, Pác Nặm theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ*.
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *thông tư Số: 86/2009/TT-BNNPTNT Hướng dẫn xây dựng đề án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*.
6. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), *Thông báo Số: 2714 /TB-BNN-VP về Ý kiến kết luận của Thứ trưởng Hứa Đức Nhị về khắc phục một số vướng mắc trong việc thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP trên lĩnh vực lâm nghiệp*.
7. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn (2009), *Quyết định số 511/QĐ-UBND Về việc thành lập Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ tại địa bàn huyện Pác Nặm*.
8. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn (2009), *Quyết định số 439/QĐ-UBND Về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số: 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn*.